

S6: CBTT-PI CGAB

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 9 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

- **Tên tổ chức:** CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TỰ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC
 - **Mã chứng khoán:** GAB
 - **Địa chỉ trụ sở chính:** thôn Châu Tú, xã Châu Lộc, Huyện Hân Lộc, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
 - **Điện thoại:** 0378 860 866
 - **Fax:**
 - **Người thực hiện công bố thông tin:** Ông Nguyễn Đức Công
Chức vụ: Tổng Giám đốc
 - **Loại thông tin công bố:** định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
 - **Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC ("Công ty") xin công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC vào ngày 01/07/2020 tại đường dẫn: <http://liefmb.vn>, chuyên mục Cổ đông.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Công

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý Tài sản FLC****Năm báo cáo: 2019****I. Thông tin chung****I. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý Tài sản FLC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2802404931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa, phòng đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 29/05/2016 và cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 03/02/2020.
- Vốn điều lệ: 138.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 138.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám tỷ đồng).
- Địa chỉ: thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-2) 378 860 866
- Website: www.flcgach.vn
- Mã cổ phiếu: GAB
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC tiền thân là Công ty Cổ phần Gạch Tuynei FLC – Đò Lèn Hậu Lộc được thành lập vào ngày 20/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802404931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa dưới hình thức Công ty Cổ phần.

Năm 2016, Nhà máy gạch Tuynei của Công ty khởi công, với tiến độ xây dựng nhanh chóng nên chỉ trong 4 tháng đã hoàn thành cột lò nung sấy thứ nhất và sau 10 tháng – tức đầu tháng 5/2017 - đã hoàn thành cả hai cột lò nung sấy và một hệ chế biến, đạt công suất 60 triệu viên gạch/năm.

Năm 2018, Công ty đã mở rộng và tận dụng cơ hội thị trường xuất khẩu nông sản với nguồn cung ổn định và dòng khách lớn. Công ty đã phát triển thêm hoạt động kinh doanh thương mại các mặt hàng nông phẩm, hướng tới hỗ trợ các hộ nông dân tiêu thụ nông lâm sản, đồng thời đạt hiệu quả cao trong việc quản lý dòng vốn kinh doanh.

Ngày 16/08/2018, Công ty Cổ phần Gạch Tuynei FLC – Đò Lèn Hậu Lộc được chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng FLC.

Ngày 07/05/2019, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng FLC được chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần GAB.

Ngày 03/07/2019, Công ty Cổ phần GAB chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 240/QĐ-SGDHCM ngày 03/07/2019 với số lượng cổ phiếu là 13.800.000 và mã chứng khoán: GAB.

Ngày 03/02/2020, Công ty Cổ phần GAB chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý Tài sản FLC.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

Hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi trong chiến lược phát triển của Công ty là sản xuất kinh doanh hàng vật liệu xây dựng chịu lửa công nghệ cao; trọng tâm là sản phẩm gạch Tuynel, hướng tới bảo vệ môi trường, cung cấp cho công trình nhà ở dân sinh, khu vực công trình công cộng cao tầng và những công trình đòi hỏi độ bền cao, công trình khu vực ven biển để tăng cường độ chịu gió và mặn....

Sản phẩm gạch đặc của Công ty nổi tiếng với mẫu mã đẹp, cường độ chịu lực cao, giá cả thấp nên được thị trường Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình đón nhận và tiêu thụ rất tốt.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

3.1. *Mô hình quản trị:*

Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC là đơn vị hành chính độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan. Mô hình quản trị theo điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014 bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

3.2. *Cơ cấu bộ máy quản lý:*



3.5 Các công ty em, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con, công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2019.

4. Định hướng phát triển

Trong chiến lược hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC luôn coi trọng công tác mở rộng thị trường nhằm thu hút ngày càng nhiều khách hàng, đem lại hiệu quả hơn nữa cho Công ty. Công tác mở rộng thị trường được thực hiện thông qua các công việc sau:

- Tích cực liên doanh với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội mở rộng kinh doanh và nâng cao trình độ quản lý;
- Tận dụng các mối quan hệ sẵn có để mở rộng mạng lưới khách hàng;
- Tích cực liên doanh với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội mở rộng kinh doanh và nâng cao trình độ quản lý;
- Tiến hành thu thập ý kiến người tiêu dùng trong quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ thông qua đội ngũ nhân viên của công ty, từ đó Công ty luôn nhận được những thông tin phản hồi để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;
- Hoạt động quảng cáo tiếp thị được thực hiện với mục tiêu vừa đảm bảo tính

hiệu quả của quảng cáo, vừa giữ vững cho chi phí quảng cáo ở mức hợp lý để không làm tăng chi phí đầu vào. Công ty cũng tham gia nhiều hội chợ thương mại với mục tiêu quảng bá thương hiệu.

Công ty Cổ phần Đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản FLC luôn gắn liền sự phát triển bền vững của ngành xây dựng bằng việc áp dụng công nghệ hiện đại vào việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Điều này có thể thấy rõ qua việc của Công ty Cổ phần Đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản FLC là đơn vị luôn chú trọng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, liên tục cho ra mắt các loại sản phẩm đạt tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, đồng thời tích cực đầu tư phát triển dây chuyền, công nghệ hiện đại trong hoạt động sản xuất các loại vật liệu xây dựng. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản FLC không chỉ đáp ứng ngày càng tốt hơn thị hiếu của khách hàng, mà còn phù hợp với định hướng phát triển của ngành cũng như chính sách của Nhà nước trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh và phát triển các loại vật liệu xanh, thân thiện với môi trường.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua các yếu tố vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, biến động về tỷ lệ lạm phát hay lãi suất... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế. Vì vậy việc phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm mục đích dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo vận hành mô hình kinh doanh của Công ty.

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định so với các nước trên thế giới nói chung và trong khu vực nói riêng. Cơ cấu kinh tế năm 2019 cũng có những chuyển biến tích cực với tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm xuống 13,96% GDP, so với mức 14,68% của năm 2018. Tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,54% và thuế sản phẩm trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%.

Dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 05 năm tới sẽ ở mức 6,3%, nền kinh tế được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tốt bởi hàng loạt yếu tố như tỷ giá hàng hóa thấp, lực đẩy từ các doanh nghiệp FDI cùng với các cải cách về thể chế của nền kinh tế.

Với kỳ vọng về tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh cùm các doanh nghiệp, niềm tin của các nhà đầu tư trên thị trường sẽ được nâng cao và dòng vốn đầu tư vào nền kinh tế Việt Nam sẽ duy trì trong các năm tiếp theo.

b) Lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, Việt Nam đang đứng trước sức ép giá tăng lạm phát. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức nhỏ hơn 4,0%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2019 tăng 1,4% so với tháng trước, mức tăng cao nhất trong 9 năm qua. Trong đó nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao nhất 3,42% do dịch tả lợn châu Phi làm nguồn cung thịt lợn giảm, giá các sản phẩm chế biến từ thịt lợn, thay thế thịt lợn tăng.

Tính chung quý IV/2019, CPI tăng 2,01% so với quý trước và tăng 3,66% so với quý IV/2018. Bình quân năm 2019, CPI tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra và cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2019 vượt mốc 500 tỷ USD, trong đó ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ của khu vực kinh tế trọng điểm với tốc độ cao hơn rất nhiều khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2019 trước tình xuất siêu 9,9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm liên tiếp xuất siêu.

c) Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Năm 2019, lãi suất có những yếu tố thuận lợi do áp lực lạm phát có thể giảm bớt khi già dầu thế giới không biến động nhiều. Cùng với đó, đồng USD dự báo suy yếu làm giảm áp lực từ phía tỷ giá.

Lãi suất được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp theo như chủ trương của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), qua đó hỗ trợ tích cực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo ổn định hoạt động của thị trường tiền tệ, ngoại hối. Ngân hàng Nhà nước đã duy trì ổn định mức lãi suất điều hành và trần lãi suất huy

động bằng VND, kết hợp với chính sách điều chỉnh giảm trần lãi suất huy động USD, đảm bảo duy trì khoảng chênh lệch hợp lý giữa lãi suất VND và lãi suất USD.

5.2. Rủi ro về luật pháp

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC còn chịu điều chỉnh bởi các quy định chuyên ngành như Luật kinh doanh Bất động sản 2014, Luật đất đai 2013, Luật đầu tư, Luật môi trường, Luật nhà ở và các thông tư nghị định liên quan đến lĩnh vực Xây dựng và Vật liệu xây dựng. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro ngành vật liệu xây dựng

Lĩnh vực vật liệu xây dựng là ngành kinh doanh có liên quan lớn và biến động song hành cùng sự phát triển thị trường bất động sản. Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng chịu rủi ro về nhu cầu nguyên vật liệu xây dựng giảm khi thị trường bất động sản có dấu hiệu chững lại. Cụ thể như từ năm 2017, Chính phủ thực hiện các biện pháp siết chặt cho vay tín dụng ngành bất động sản nhằm hạn chế bong bóng bất động sản, thị trường bất động sản có xu hướng tăng trưởng chậm lại so với thời gian trước, từ đó đã phần nào ảnh hưởng đến ngành vật liệu xây dựng.

Bên cạnh đó, do đặc thù cơ cấu chi phí của ngành sản xuất vật liệu xây dựng chủ yếu là nhiên liệu chiếm 30-35% của cơ cấu chi phí. Các nguyên vật liệu như đất sét, cao lanh, Felspat chiếm khoảng 30% trong cơ cấu. Do vậy, các sản phẩm của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ sự biến động của giá dầu trên thế giới. Đây cũng là rủi ro đặc thù của các ngành sản xuất có chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng cao.

Đối với nguyên liệu CTCP Đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản FLC sử dụng các nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước. Cách đặt sét mung sử dụng nguồn đất sét có ở địa phương nên đáp ứng được nhu cầu sản xuất dài hạn của ngành VLXD trong nước. Tuy nhiên do đặc thù vận chuyển nặng nên mảng VLXD bị ảnh hưởng bởi chi phí vận chuyển khi giá dầu trên thế giới tăng.

Mặc dù gặp khó khăn, thách thức song giai đoạn hiện nay vẫn được xem là cơ hội cho Công ty có thể phát triển các sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường, cải tổ cơ chế hoạt động, linh hoạt và phù hợp với nhu cầu thị trường. Các chuyên gia dự báo rằng thị trường vật liệu xây dựng tại Việt Nam sẽ có mức tăng khoảng 15% trong những năm tiếp theo.

b) Rủi ro nhân sự

Đa số lực lượng lao động trong ngành đều xuất thân từ nông thôn, trình độ, sức khỏe không đồng đều, ý thức chấp hành kỷ luật công nghệ chưa cao; Chế độ tiền lương chưa hợp lý so với một số ngành khác như khai thác mỏ, giao thông, điện... nên chưa có sức hút mạnh đối với người lao động, dẫn đến công tác tuyển dụng gặp rất nhiều bất lợi, đặc biệt là công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật cao gặp nhiều khó khăn, tiền độ đào tạo nâng cao tay nghề chưa theo kịp thị trường và sự phát triển tiên bộ của khoa học kỹ thuật, các hoạt động đào tạo chưa phối hợp và gắn liền với các doanh nghiệp, chưa hội nhập sâu rộng với quốc tế, chưa tạo thành mạng lưới đào tạo chuyên ngành xây dựng và vật liệu xây dựng giữa các cơ sở dạy nghề.

Môi trường làm việc và sinh hoạt của người lao động gặp rất nhiều bất lợi so với các ngành nghề khác, điều kiện làm việc nặng nhọc chủ yếu ngoài trời, chịu ảnh hưởng trực tiếp vào điều kiện thời tiết mưa nắng; nhà ở và sinh hoạt chủ yếu được xây dựng tạm chum đập ứng được hoàn toàn các điều kiện về vệ sinh môi trường, các nhu cầu tối thiểu; do đó lực lượng lao động ngành xây dựng nói chung và ngành vật liệu xây dựng nói riêng phải đảm bảo yếu tố sức khỏe tốt, có tinh thần trí cao và phải yêu nghề.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Công ty liên tục hoạt động có lãi kể từ khi đi vào hoạt động chính thức. Doanh thu tăng trưởng nhanh do việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo bù đắp cho việc giá thành gạch giảm trong năm 2018, mang lại tỷ suất lợi nhuận tốt hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Đơn vị: Triệu đồng

Kết quả hoạt động kinh doanh	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ hoàn thành so với kế hoạch năm 2019 (%)	Tỷ lệ hoàn thành so với năm 2018 (%)		
				Kế hoạch năm 2019	Thực hiện 2019	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ hoàn thành so với năm 2018 (%)
Doanh thu bán hàng và dịch vụ	92.294.718.767	150.000.000.000	188.227.080.782	125,4%	204%		
Doanh thu tài chính	252.468.960		4.540.784.821				1.798%
Tổng doanh thu	92.547.187.727	150.000.000.000	192.767.865.603	128,5%	208,3%		
Lợi nhuận trước thuế	7.791.461.442	17.500.000.000	19.993.161.429	114,2%	256,6%		
Thuế TNDN	1.594.966.500		4.141.858.332				276,7%
Lợi nhuận ròng (N) (Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 của Công ty)							

Tổng doanh thu của Công ty trong năm 2019 đạt 192,76 tỷ ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2018, cụ thể đạt 208,3% và đạt 128,5% so với kế hoạch năm 2019. Lợi nhuận trước thuế đạt 19,99 tỷ đồng đạt 256,6% so với năm 2018 và đạt 114,2% so với kế hoạch năm 2019. Có được kết quả kinh doanh như trên là do có sự quan tâm sát sao và chỉ đạo quyết liệt của HĐQT và Ban TGĐ công ty theo những định hướng đã đề ra, bên cạnh đó là sự đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong việc sản xuất và bán hàng của đơn vị.

Ngoài việc đạt được mứa doanh thu tăng đột biến lên gấp đôi trong năm 2019, công ty còn áp dụng thành công chính sách tiết kiệm chi phí nên công ty cắt giảm được chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm tài chính 2018 do đó lợi nhuận của Công ty giàn tăng đáng kể trong năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách nhân sự Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

TT	Họ tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm

1	Ông Nguyễn Đức Công	Tổng Giám đốc	Ngày 03/02/2020
2	Ông Lâm Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 03/02/2020
3	Ông Nguyễn Trọng Kiên	Kế toán trưởng	Ngày 01/04/2020

❖ Ông Nguyễn Đức Công – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Đức Công

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 07/9/1981

Quê quán : Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMTND : 013148690 Ngày cấp: 17/04/2010 Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Số Dien A Tứ Hiệp Thanh Trì – Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghệ vật liệu Polyme và Composit

Chức vụ đang nắm giữ : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
tại Công ty

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

❖ Ông Lâm Đức Toàn – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Lâm Đức Toàn

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 25/10/1974

Quê quán : Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMTND	: 038074006823, do Cục CS ĐKQT, Cục trù và DLQG về Dân cư cấp ngày 16/5/2018
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 34, Đào Đức Thông, P. Trường Thi, TP Thanh Hóa
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Đại học Mỏ Địa chất
Số cổ phiếu sở hữu	: 690.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5% ¹
cá nhân	
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty	: <ol style="list-style-type: none"> 1. Trịnh Thị Thành Tâm (Mẹ): 50 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 0,0004% 2. Nguyễn Phương Lan (Vợ): 50 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 0,0004% 3. Lâm Thị Lan Hương (Em): 50 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 0,0004%

❖ Ông Nguyễn Trung Kiên – Kế toán trưởng

Họ và tên	: Nguyễn Trung Kiên
Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 18/10/1975
Quốc quán	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMTND	: 001075011985 do ĐKQT, Cục trù và DLQG về dân cư cấp ngày 11/10/2016 ĐKQT, Cục trù và DLQG về dân cư
Địa chỉ thường trú	: 20, ngách 1/44-ngo 1 – Phan Đình Giót –Phường Liệt –Thanh Xuân – Hà Nội
Trình độ chuyên	: Kế toán - Quản lý kinh tế

¹ Số cổ phần Ông Lâm Đức Toàn sở hữu tại ngày 13/01/2020.

mỗi

Chức vụ đang nắm : Kế toán trưởng
giữ tại Công ty

Chức vụ đang nắm : Không
giữ ở tổ chức khác

Số cổ phiếu sở hữu : 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%
cá nhân

Những người có : Không
liên quan năm giữ
cổ phiếu của Công
ty

2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành

Trong năm 2019 và đến thời điểm hiện tại, nhân sự Ban Điều hành Công ty có
một số thay đổi như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Đức Công	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/02/2020
Bà Trần Thị Thúy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/04/2019
Ông Lâm Đức Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/04/2019 Miễn nhiệm ngày 03/02/2020
Ông Lâm Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/02/2020
Ông Nguyễn Công Nam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/03/2020
Ông Nguyễn Quang Thái	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 18/10/2019
Ông Nguyễn Quang Thái	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/04/2020
Ông Nguyễn Trung Kiên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/04/2020

2.3. Số lượng và cơ cấu cán bộ, nhân viên

Chi tiết số lượng nhân sự tại các khôi vào thời điểm 31/12/2019 như sau:

Số

Khối nghiệp vụ

Số lượng lao động

1	Ban lãnh đạo	08 người
2	Khối quản trị	03 người
3	Khối sản xuất	28 người
3.1	<i>Cơ điện</i>	<i>04 người</i>
3.2	<i>Lò Nung</i>	<i>07 người</i>
3.3	<i>Chế biến</i>	<i>10 người</i>
3.4	<i>Nghiên cứu</i>	<i>01 người</i>
3.4	<i>Công tác hỗ trợ khác (Bảo vệ, vệ sinh công nghiệp và nấu ăn cơ)</i>	<i>03 người</i>
4	Khối kinh doanh	03 người
	Tổng cộng	42 người

(Nguồn: FLCGAB)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2019, Công ty không triển khai Dự án lớn nào. Dự kiến trong năm 2020 Công ty triển khai các Dự án, chi tiết như sau:

- Đầu tư mở rộng mỏ mộc, nhà xưởng, trung thiết bị dây truyền nhà máy sản xuất gạch 150.000.000.000 VND (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*).
- Hợp tác đầu tư Dự án Khách sạn Coastal Hill Quy Nhơn là 332.000.000.000 VND (*Ba trăm ba mươi hai tỷ đồng*) tại 02 khu vực là: Công trình Tổ hợp nhà ở căn hộ Khách sạn (Condotel) The FLC Coastal Hill thuộc Dự Án vù Khu Biệt thự Coastal Villas; được biển là 29 (hai mươi chín) căn biệt thự BT10.1 - BT10.4 Kim Biệt thự BT10.1 - BT10.4 (Phía Đông Bắc khách sạn Coastal Hill).

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản:	184.138.930.623	195.618.256.371	6,2%
Doanh thu thuần:	92.294.718.767	188.227.080.782	104%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.974.831.579	20.256.945.530	154%
Lợi nhuận khác	(183.370.137)	(263.784.101)	
<u>Lợi nhuận trước thuế</u>	<u>7.791.461.442</u>	<u>19.993.161.429</u>	<u>156,6%</u>
Lợi nhuận sau thuế	6.191.494.942	15.850.303.097	156%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	662	1.091	64,8%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hỗn số thanh toán ngắn hạn:	2,73	3,19
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
Hỗn số thanh toán nhanh:	4,70	5,93
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>		
Nợ ngắn hạn		
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
Hỗn số Nợ/Tổng tài sản	0,21	0,17
Hỗn số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,21
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	5,65	11,24
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	0,50	0,96
<i>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hỗn số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần:	0,07	0,08

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,04	0,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,08

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần

Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC hiện đang lưu hành 13.800.000 cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng (ngoại trừ cổ phần hạn chế chuyển nhượng của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày 13/01/2020), tương ứng quy mô vốn điều lệ 138 tỷ đồng.

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ số mức (%)
I. Người nội bộ	2.510.000	2.510.000	5.020.000	36,38
II. Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
III. Công đoàn Công ty	0	0	0	0
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nền cỗ)	0	0	0	0
V. Cổ đông khác	0	8.780.000	8.780.000	63,62
1. Trong nước	0	8.778.410	8.778.410	63,61
1.1 Cá nhân	0	5.386.460	5.386.460	39,03
1.2 Tổ chức	0	3.391.950	3.391.950	24,58
- Trong đó Nhà nước	0			
2. Quốc ngoài	0	1.590	1.590	0,01
2.1 Cá nhân	0	0	0	0
2.2 Tổ chức	0	1.590	1.590	0,01
TỔNG CỘNG:	0	13.800.000	13.800.000	100

3.2. Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 13/01/2020

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đồng (%)	
					Tổ ng phần	Cổ nhân
1	Cổ đông Nhập nước					
2	Cổ đông sáng lập/cổ đồng FDI	3,790,000	27,47	02	01	01
	- Trong nước	3,790,000	27,47	02	01	01
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn	6.170.000	44,71	5	01	04
	- Trong nước	6.170.000	44,71	5	01	04
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	7.630.000	55,29	454	16	438
	- Trong nước	7.628.410	55,28	452	16	438
	- Nước ngoài	1.590	0,01	2	2	0
TỔNG CỘNG		13,800,000	100	459	17	442
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		<i>13,798,410</i>	<i>99,99</i>	<i>457</i>	<i>15</i>	<i>452</i>

- Nước ngoài	1.590	0,01	2	2	0
--------------	-------	------	---	---	---

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2019, Công ty không thực hiện đặt tăng vốn nào.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có.

5.5. Các chứng khoán khác:

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm

Căn cứ giấy phép khai thác số: 227/GP- UBND do Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày: 05/6/2017 cho Công ty cổ phần gạch Tuynel FLC - Đô Lέn Hậu Lộc (Đổi tên thành Công ty cổ phần dầu tự khai khoáng & quản lý tài sản FLC.)

Nội dung : Cho phép khai thác Mỏ đất sét phong hóa làm gạch tuynel tại xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc (Mô Núi Miếu). Thời hạn giấy phép : 11 năm, 7 tháng kể từ ngày ký giấy phép.

Loại khoáng sản: Đất sét dồi

Nhóm khoáng sản: Vật liệu xây dựng thông thường

Trữ lượng địa chất Mỏ : 429.088 m³

Diện tích khu vực khai thác : 42.514 m²

Trữ lượng được phép khai thác : 398.232 m³

Công suất khai thác : 35.000 m³ / năm

Công ty chúng tôi luôn tuân thủ và kiểm soát chất chẽ khối lượng khai thác dưới công suất khai thác cho phép 35.000 m³/năm

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty

Công nghệ chế biến: Nghiền, ú, đào áp dụng cho Mô nguyên liệu đất sét dồi tại Nhà máy.

Sản phẩm thu được :

- Thành phần chính: Đất sét dồi làm gạch tuynel - Tỷ lệ thu hồi: 95%;

- Thành phần phụ: Lớp phủ đầm sần, vín đã chưa phong hóa - tỷ lệ thu hồi 5%
- Tỷ lệ này hoàn toàn không sử dụng được trong công nghệ sản xuất gạch Tuynel.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Năng lượng tiêu thụ bao gồm điện năng cho sản xuất, sinh hoạt và Nhiệt năng của than dùng để đốt lò Tuynel.

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Chúng tôi đã xắp xếp hợp lý giờ sản xuất để tiết kiệm điện, tránh được giờ cao điểm trong ngày nhưng vẫn đảm bảo Nhà máy vận hành ổn định.

- Sử dụng nhiệt năng của than nhiệt thấp với nhiệt trị dưới 2000 Kcal/kg, được phối trộn tỉ lệ thích hợp giữa nguồn than Xit và than cám 6B giải quyết được lượng than Xit tận thu không sử dụng của các Mỏ than trong nước.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (nước tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước hiện tại là nước dưới đất, bao gồm 03 giếng khoan đường kính D=48 mm phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Tổng lưu lượng sử dụng và khai thác trung bình 30 m³/ngày.

- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Nước thải sản xuất, sinh hoạt sau khi được xử lý lắng lọc qua hệ thống, đạt yêu cầu được đưa ra hệ thống thoát chung của Nhà máy. Không có lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Mức lương bình quân

Chi tiêu	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2018 (VNĐ)	Năm 2019 (VNĐ)
Tổng quỹ lương chi trả trong năm (đồng)	6.500.096.911	3.335.273.327	4.493.204.033
Trung bình nhân sự/tháng (người)	65	34	42
Mức lương bình quân (đồng/người/năm)	100.001.191	98.096.274	106.981.048

(Nguồn: FLCGAB)

Mức lương cơ bản này được công ty trích trả đồng bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đoàn phí, trích kinh phí công đoàn, và trừ thuế theo đúng các chính sách quy định của Nhà nước.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Chính sách đối với người lao động

Công ty nhìn nhận nguồn nhân lực là một yếu tố quyết định thành công của một doanh nghiệp, vì vậy, Công ty coi trọng công tác đào tạo, áp dụng cơ chế lương theo sản phẩm, khen thưởng sáng kiến và chuyên cần, trợ cấp với trường hợp hoàn cảnh khó khăn, cho cán bộ công nhân viên gạch xây dựng nhà giàn dài. Từ đó tạo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trên cùng địa bàn, nhằm tạo điều kiện để người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

Về chính sách lương: Công ty chỉ trả lương cơ bản khoản sản phẩm, khoản doanh số, khoản việc cho lao động dựa trên cạnh tranh thu hút lao động trong khu vực. Trong năm 2019, lương công nhân lao động tại công ty ở mức 170.000 đồng/ngày đến 230.000 đồng/ngày, mức chi phí này đủ để công ty thu hút lao động. Đối với công nhân bốc xếp, Công ty có thuê người lao động thời vụ ngắn hạn (trong ngày). Việc thu hút công nhân cho loại công việc này do hầu hết là làm việc theo thời vụ và không cố định được thời gian nên hầu hết là những lao động dài dìu trong nông nghiệp đảm nhận. Đối với loại lao động này công ty chỉ hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế để thu hút và giúp bà con gắn bó với công ty.

Về chế độ thường và trợ cấp: Công ty quy định chính sách thường dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và áp dụng thống nhất, linh hoạt nhằm khuyến khích sáng kiến, giảm chi phí sản xuất đảm bảo hiệu quả sản xuất cao nhất và mức doanh thu tốt nhất, đồng thời vừa yêu cầu trách nhiệm vừa khuyến khích người lao

đóng đóng góp, gia tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường cho công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động dầu từ cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty không có hoạt động tại thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty liên tục hoạt động có lãi kể từ khi đi vào hoạt động chính thức. Doanh thu tăng trưởng nhanh do việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo bù đắp cho việc già thành gạch giám trong năm 2018, mang lại tỷ suất lợi nhuận tốt hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Tổng doanh thu của Công ty trong năm 2019 đạt 192,76 tỷ ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2018, cụ thể đạt 208,3% và đạt 128,5% so với kế hoạch năm 2019. Lợi nhuận trước thuế đạt 19,99 tỷ đồng đạt 256,6% so với năm 2018 và đạt 114,2% so với kế hoạch năm 2019. Có được kết quả kinh doanh như trên là do có sự quan tâm sát sao và chỉ đạo quyết liệt của HĐQT và Ban TGĐ công ty theo những định hướng đã đề ra, bên cạnh đó là sự đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong việc sản xuất và bán hàng của đơn vị.

Ngoài việc đạt được mục doanh thu tăng đột biến lần gấp đôi trong năm 2019, công ty còn áp dụng thành công chính sách tiết kiệm chi phí nên công ty cắt giảm được chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm tài chính 2018 do đó lợi nhuận của Công ty gia tăng đáng kể trong năm 2019.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản cuối năm 2019 đạt 106% so với năm 2018, trong năm 2019 Ban điều hành Công ty đã quyết định tập trung lớn vào mảng SXKD chính của đơn vị như kinh doanh nông sản (quả, hoa) và sản xuất gạch để cung cấp cho các công trình tại địa phương và các dự án lớn trong nước. Điều này đã mang lại lợi nhuận đáng kể cho Công ty, thặng dư tiền tăng đáng kể so với năm 2018 (tiền và các khoản lương dương tiền năm 2019 tăng 221,5% so với năm 2018).

b) Tình hình nợ phải trả

Năm 2019 với sự quyết tâm của Ban điều hành theo hướng tập trung vào các mảng SXKD chủ lực như kinh doanh nông sản, sản xuất gạch và không đầu tư vốn vào các đơn vị khác cũng như không đầu tư vào cổ phiếu nên hiệu quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc. Điều này cũng đồng nghĩa với việc Công ty trả nợ bồi thường khoản vay ngân hàng và nhà cung cấp. Tổng phai trả năm 2019 giảm 11% so với tổng phai trả 2018, riêng nợ dài hạn (vay dài hạn tổ chức tài chính giảm 41% so với năm 2018).

Bên cạnh đó Ban điều hành vẫn nhận thấy rủi ro trong việc tỷ giá của đồng USD biến động rất nhiều kèm theo lãi suất liên ngân hàng trong năm 2019 vẫn điều chỉnh tăng so với năm 2018 nên chủ trương chung vẫn phải kiểm soát tốt chi phí trong SXKD và giảm bớt các khoản vay tài chính trong thời gian tới để ổn định và phát triển hơn nữa trong SXKD của đơn vị.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2019 công ty đã tiến hành cài tổ và kiện toàn bộ máy nhân sự nhằm đáp ứng kịp thời các kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HĐQT thông qua. Công ty đặc biệt chú trọng đầu tư xây dựng nguồn nhân lực có trình độ cao, giàu kinh nghiệm chuyên môn và đạt yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp nhằm xây dựng chuẩn mực mô hình quản trị của FLC GAB. Trong năm 2019 đã có sự thay đổi các vị trí nhân sự chủ chốt, tuyển dụng, đào tạo, truyền chuyên đề phù hợp với quy mô và hoạt động. Công ty đã thực hiện kiện toàn bộ máy quản trị từ cấp lãnh đạo điều hành đến cán bộ quản lý chủ chốt. Một khác, công ty cũng điều chỉnh cơ cấu tổ chức giữa các phòng ban sao cho việc hoạt động được trở lên chuyên nghiệp & hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Phương hướng của năm 2020 là tiếp tục đẩy mạnh phát triển hơn nữa về quy mô, lĩnh vực hoạt động, năng lực tài chính, năng lực quản trị và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Thiết lập những nền tảng vững chắc để xây dựng Công ty ngày càng phát triển về quy mô và lĩnh vực kinh doanh với chỉ tiêu: Tổng doanh thu: 320 tỷ đồng và tổng lợi nhuận trước thuế là 30 tỷ đồng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

Báo cáo tài chính của Công ty năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhóm Tâm Việt kiểm toán và chấp nhận toàn phần (Chi tiết tại Phụ lục định kèm Báo cáo này).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Tháng 07/2019, Công ty đã hoàn thành kế hoạch niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Đây là cột mốc quan trọng trong quá trình hoạt động và phát triển của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ được thúc đẩy và đón nhận nhiều cơ hội từ việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Đầu năm 2020, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ Công ty từ các cổ đông hiện hữu. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng đã xây dựng kế hoạch chi tiết về việc sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán để tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh mới như bất động sản, khai khoáng..., mà Công ty dự kiến phát triển trong thời gian sắp tới.

Song song với việc mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Lãnh đạo Công ty cũng định hướng phát triển gắn liền với các mục tiêu phát triển bền vững và xây dựng một xã hội hòa bình. Là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, những năm qua, Công ty luôn chú trọng vào công tác bảo vệ môi trường thông qua việc khai thác hợp lý và tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu. Ban Lãnh đạo luôn yêu cầu điều chỉnh, cải tiến các quy trình sản xuất, quy trình hoạt động kinh doanh, với nỗ lực nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, bê sinh thái và cộng đồng. FLC G&B luôn tuân thủ các quy định, chuẩn mực, hướng dẫn của cơ quan nhà nước liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo cân bằng, hài hòa giữa tăng trưởng kinh doanh và bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội với phát triển xã hội.

Từ góc độ quản trị doanh nghiệp, Công ty phát triển chiến lược CSR và thực hiện trách nhiệm xã hội và coi đó như là một lợi thế cạnh tranh, mang lại những giá trị tốt đẹp, bền vững cho công ty và xã hội nói chung và chính Công ty nói riêng.

2. *Danh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động điều hành của BTGD để đảm bảo tuân thủ và phù hợp các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành trong năm 2019. Theo đó, HĐQT đã chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thành, alop và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2019 và các Báo cáo tài chính Quý 3, Quý 4 năm 2019;
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty;
- Đôn đốc và theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019;
- Nghiên cứu và triển khai các Dự án mới có tiềm năng;

- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định;
- Giám sát hoạt động quản lý của BTGD nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Năm 2020 là năm đánh dấu sự thay đổi căn bản về chiến lược, định hướng hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng và Quản lý tài sản FLC. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc chính thức thông qua chủ trương mở rộng lĩnh vực hoạt động. Bên cạnh lĩnh vực kinh doanh truyền thống là Khai khoáng và Sản xuất vật liệu xây dựng, FLC GAB sẽ mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực: Bất động sản nghỉ dưỡng, Quản lý tài sản, Năng lượng tái tạo, Vận tải hàng không. Trong năm 2020 và những năm tiếp theo, FLC GAB sẽ tập trung nghiên cứu đầu tư, phát triển các dự án bất động sản, năng lượng tái tạo, khai khoáng, tìm kiếm cơ hội M&A các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực này để khai thác và rút ngắn thời gian thâm nhập các thị trường mới.

V. Quản trị công ty

I. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Tên	Chức danh	Thời điểm bổ nhiệm
1	Ông Trần Thế Anh	Chủ tịch HĐQT	03/02/2020
2	Ông Nguyễn Đức Công	Thành viên HĐQT	03/02/2020
3	Bà Phùng Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT	03/02/2020

♦ Ông Trần Thế Anh – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	: Trần Thế Anh
Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 15/01/1978
Quê quán	: Thái Bình
Quốc tịch	: Việt Nam

Dân tộc	: Kinh
Số CMND	: 013083543 do Công An Hà Nội cấp ngày 29/05/2008
Địa chỉ thường trú	: P409, D5, Lô C, Khu đô thị Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Luật
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Chủ tịch HĐQT
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	: 1.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,246%
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty	: Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC nắm giữ 1.250.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,06%.

❖ Ông Nguyễn Đức Công – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên	: Nguyễn Đức Công
Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 07/9/1981
Quốc quán	: Thái Bình
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMND	: 013148690 Ngày cấp: 17/04/2010 Nơi cấp: Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Cố Đèo A – Tú Hiệp – Thanh Trì – Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Công nghệ vật liệu Polyme và Composit
Chức vụ đang nắm	: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

giữ tại Công ty

Số cổ phiếu sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
cá nhân

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

♦ Bà Phùng Thị Thu Thảo – Thành viên HĐQT

Họ và tên	: Phùng Thị Thu Thảo
Giới tính	: Nữ
Ngày sinh	: 19/07/1991
Quê quán	: Bắc Ninh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMND	: 027191000139 Ngày cấp: 9/1/2020 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
Địa chỉ thường trú	: P404-B5, TDP số 9, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Đại học
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Thành viên HĐQT
Số cổ phiếu sở hữu	: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cá nhân
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty	: Không

1.2. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị

Năm 2019, HĐQT Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019, HĐQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	10.2/2019/NQ-HĐQT	10/02/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông nhất phương án tính toán sản lượng và doanh thu kế hoạch 2019 - Giao Ban điều hành báo cáo bổ sung và thực hiện yêu cầu về kế hoạch doanh thu, kế hoạch chi phí 2019 - Thông nhất một số nội dung trình ĐHĐCD - Thông nhất thời gian họp ĐHĐCD thường niên 2019 dự kiến vào ngày 15/03/2019 - Quyết định triệu tập ĐHĐCD
2.	01/2019/QĐ-HĐQT	15/03/2019	Quyết định về phân phối lợi nhuận năm 2018
3.	02/2019/QĐ-HĐQT	15/03/2019	Quyết định về sửa đổi bổ sung cơ cấu tổ chức
4.	03/2019/QĐ-HĐQT	15/03/2019	Quyết định phân công lại HĐQT
5.	04a/2019/QĐ-HĐQT	15/03/2019	Ban hành Quy chế Quản trị công ty
6.	04b/2019/QĐ-HĐQT	15/03/2019	Ban hành Quy chế Công bố thông tin
7.	04.1/2019/QĐ-HĐQT	15/04/2019	Bổ nhiệm Ông Lâm Đức Toàn làm Tổng Giám đốc
8.	04.2/2019/QĐ-HĐQT	15/04/2019	Bổ nhiệm Ông Trần Văn Bắc làm Giám đốc sản xuất

9.	04.3/2019/QĐ-HĐQT	15/04/2019	Bổ nhiệm ông Lê Văn Minh làm Giám đốc kinh doanh
10.	04.4/2019/QĐ-HĐQT	15/04/2019	Bổ nhiệm ông Nguyễn Đăng Vinh làm Giám đốc quản trị
11.	04.5/2019/QĐ-HĐQT	15/04/2019	Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thu làm Phó trưởng phòng phụ trách phòng HCKT có hiệu lực từ ngày 15/04/2019
12.	08.5/2019/NQ-HĐQT	08/05/2019	Quyết định việc niêm yết công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
13.	19.7/2019/NQ-HĐQT	19/7/2019	Phê duyệt chủ trương thoái vốn khỏi Công ty liên kết là Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kontum
14.	12.9/2019/NQ-HĐQT	12/9/2019	Về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Bà Trần Thị Thúy sang Ông Trần Thế Anh
15.	12.9B/2019/N-Q-HĐQT	12/9/2019	Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với Bà Trần Thị Thúy
16.	12.9C/2019/N-Q-HĐQT	12/9/2019	Bầu Ông Trần Thế Anh giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
17.	16.10/2019/NQ-HĐQT	16/10/2019	Về việc bổ nhiệm Ông Lâm Đức Toàn giữ chức vụ người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần GAB
18.	18.10/2019/NQ-HĐQT	18/10/2019	Về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần GAB đối với Bà Phạm Thị Thu
19.	18.10A/2019/N-Q-HĐQT	18/10/2019	Về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Thái giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần GAB

20.	24.12/2019/NQ-HĐQT	24/12/2019	Về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
21.	30.12/2019/NQ-HĐQT	30/12/2019	Về việc điều chỉnh mục đích sử dụng danh sách cổ đông sáng lập tại ngày đăng ký cuối cùng và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các thành viên trong Hội đồng quản trị:

Thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và thường xuyên theo dõi hoạt động điều hành của BTGĐ để đảm bảo tuân thủ và phù hợp các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức danh	Thời điểm bổ nhiệm
1	Bà Nguyễn Thị Phương Hoa	Trưởng BKS	03/02/2020
2	Ông Nguyễn Đăng Vũ	Thành viên BKS	03/02/2020
3	Bà Đặng Thị Hải Quyên	Thành viên BKS	03/02/2020

* Bà Nguyễn Thị Phương Hoa – Trưởng BKS

Họ và tên : Nguyễn Thị Phương Hoa

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 08/02/1985

Quê quán : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND	: 012555032 Ngày cấp: 17/01/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Tổ dân phố Ngang – Đội Mỗ – Nam Từ Liêm – Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Trưởng BKS
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phiếu sở hữu	: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% và nhẫn.
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty	: Không

* Ông Nguyễn Đăng Vũ – Thành viên Kiểm soát

Họ và tên	: Nguyễn Đăng Vũ
Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 20/04/1992
Quê quán	: Thái Bình
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMND	: 034092001811 Ngày cấp: 02/07/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQLaser trú và DL.QG về dân cư
Địa chỉ thường trú	: thôn Tây Hòa, xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
Trình độ văn hóa	: 12/12

Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty	: Không

♦ Bà Đặng Thị Hải Quyên – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	: Đặng Thị Hải Quyên	
Giới tính	: Nữ	
Ngày sinh	: 23/02/1992	
Quê quán	: Nghệ An	
Nationality	: Việt Nam	
Dân tộc	: Kinh	
Số CMND/CCCD	: 187070876 Ngày cấp: 25/08/2014	Nơi cấp: Nghệ An
Địa chỉ thường trú	: Khối 10, phường Trường Thí, Vinh, Nghệ An	
Trình độ văn hóa	: 12/12	
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân quản trị kinh doanh – Chuyên ngành kế toán	
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Không	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	: Không	

Số cổ phiếu sở hữu : 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%
cá nhân

Những người có : Không
liên quan nắm giữ
cổ phiếu của Công
ty

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ, nghị quyết của HĐND/ĐCĐ, các quy định, quy chế quản trị của công ty;
- Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về việc triển khai, thực hiện các công việc sau:
 - + Giám sát và đánh giá việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT, BTGD và các cán bộ quản lý cùm Công ty;
 - + Giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo và các quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty;
 - + Thẩm tra các Báo cáo tài chính của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam;
 - + Soát xét, thẩm định các giao dịch của Công ty với các bên có liên quan;
 - + Thường xuyên trao đổi nội bộ cũng như với HĐQT, BTGD nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động cùm Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

3. Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

3.1. Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Số	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

1	Nguyễn Việt Linh	Con trai Bà Trần Thị Thúy và Ông Nguyễn Công Nam ²	260.000	1,9%	0	0	Bản cờ phiếu
2	Nguyễn Thu Thủy	Con gái Bà Trần Thị Thúy và Ông Nguyễn Công Nam ³	310.000	2,25%	0	0	Bản cờ phiếu

3.2. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty đại chúng theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

VI. Báo cáo tài chính

Phụ lục định kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHÔNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Đức Công



² Tại thời điểm Ông Nguyễn Việt Linh thực hiện giao dịch, Bà Trần Thị Thúy là Chủ tịch HĐQT Công ty và Ông Nguyễn Công Nam là thành viên HĐQT kiêm PTGD Công ty.

³ Tại thời điểm Bà Nguyễn Thu Thủy thực hiện giao dịch, Bà Trần Thị Thúy là Chủ tịch HĐQT Công ty và Ông Nguyễn Công Nam là thành viên HĐQT kiêm PTGD Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 - 39
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	7 - 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019</i>	12 - 13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2019</i>	14 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC (tiền thân là Công ty Cổ phần Gạch Tuynel FLC - Đô Laji Hậu Lộc) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802404931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2016. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 07 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 07 ngày 03 tháng 2 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp về việc thay đổi tên Công ty, trụ sở Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 7 : 138.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2019: 138.000.000.000 VND

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Trần Thị Thúy	25.500.000.000	18,48%
Ông Nguyễn Công Nam	6.900.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	12.400.000.000	8,99%
Ông Trần Thế Anh	10.000.000.000	7,25%
Ông Lâm Đức Toàn	6.900.000.000	5,00%
Cổ đông khác	76.300.000.000	55,29%
Tổng cộng	138.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

Điện thoại : 0378 860 866

Mã số thuế : 2802404931

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính định kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 số 01/2020/NQ-DHDCD-GAB ký ngày 03 tháng 2 năm 2020 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, tổng số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến: 55.200.000 cổ phiếu, tổng giá trị chào bán dự kiến: 552.000.000.000 VND nâng vốn điều lệ của Công ty từ 138.000.000.000 VND lên 690.000.000.000 VND. Thời gian dự kiến thực hiện Quý I năm 2020. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến là 552.000.000.000 VND sẽ được sử dụng để: Đầu tư máy móc, trang thiết bị nhà máy; bổ sung vốn lưu động; đầu tư kinh doanh bất động sản của Công ty.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2019, Vốn góp của các cổ đông lớn trong Công ty có sự thay đổi lớn so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cụ thể: Bà Trần Thị Thúy số vốn góp: 12.750.000.000 VND chiếm 9,24% vốn điều lệ; Ông Nguyễn Công Nam số vốn góp: 3.450.000.000 VND chiếm 2,5% vốn điều lệ không còn là cổ đông lớn; Ông Lâm Đức Toàn số vốn góp: 3.450.000.000 chiếm 2,5% vốn điều lệ không còn là cổ đông lớn; Ông Trịnh Văn Quyết số vốn góp: 11.000.000.000 VND chiếm 7,97% vốn điều lệ trở thành cổ đông lớn của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không còn sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Trần Thế Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Bà Trần Thị Thúy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Ông Nguyễn Đức Công	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Bà Phùng Thị Thu Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Ông Nguyễn Công Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Ông Đỗ Tất Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Phương Hoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Đại	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2019
		Miễn nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Bà Đặng Thị Hải Quyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Ông Nguyễn Đăng Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2019
		Miễn nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Bà Lê Thị Rinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2019
		Miễn nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Đức Công	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Bà Trần Thị Thúy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2019
Ông Lâm Đức Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2019
		Miễn nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Ông Lâm Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 2 năm 2020
Ông Nguyễn Công Nam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHẨU KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC
BẢO CÀO CỦA HỘI TỔNG GIÁM ĐỐC (gấp thời)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoạn và các rủi ro một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chỉ số kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục từ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động hàn hạn.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách lưu biền nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính ; các số kê toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chỉ số Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính .

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 133/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Công

Số : 1004.01.02/2019/NV/2-BCTC
Ngày : 01 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC, được lập ngày 18 tháng 1 năm 2020 từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Biên thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đồng bộ hợp lý về việc lập Báo cáo tài chính của Công ty có nội dung sát thực yêu cầu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

568, phố Lê Lai, Phường 1, Quận 1, Hồ Chí Minh
ĐT: 04-241.3361.2229 | 010-94-241.3761.5229 | W: www.ntvvn.com | E: info@ntvvn.com

Chi nhánh tại Hà Nội:

56A, Lô 02, Đường Số 1, Phường Mạc Đĩnh Chi, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

101-105 Trần Lực, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

101/125, Số 109, P. Tắc Cò, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chung tôi, Báo cáo tài chính đã cung cấp đầy đủ phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trong yếu tố tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản HLC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lũy chuyển trên tê cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý và liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNDKHNKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên



Võ Thị Thiết

GCNDKHNKT số: 3980-2017-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Tú, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGÀN HẠN	100		80.569.679.166	62.593.636.989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.345.374.787	8.193.451.111
1. Tiền	111		26.345.374.787	8.193.451.111
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	858.843.172	2.628.270.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		858.843.172	3.000.064.867
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(371.794.867)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.238.654.592	31.814.551.624
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.435.013.490	19.335.246.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	349.042.912
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	775.800.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	27.841.102	12.130.262.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.569.483.560	13.296.791.596
1. Hàng tồn kho	141	V.6	13.569.483.560	13.296.791.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.557.323.055	6.660.572.658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	269.203.310	317.560.245
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.835.590.745	4.600.143.413
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.452.529.000	1.742.869.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: Thôn Châu Tử, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuý miêu	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.048.577.205	121.545.293.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.059.334.898	31.989.798
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	30.059.334.898	31.989.798
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		82.474.266.862	88.815.744.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	64.830.125.562	70.516.093.701
<i>Nguyên giá</i>	222		82.474.514.252	81.721.534.525
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.584.388.690)	(11.205.440.824)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	17.644.141.300	18.299.651.200
<i>Nguyên giá</i>	228		19.610.671.000	19.610.671.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.966.529.700)	(1.311.019.800)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	49.252.500
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	-	49.252.500
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	29.700.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	29.700.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.514.975.445	2.948.306.435
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.514.975.445	2.948.306.435
2. Tài sản thuế thu nhập hoàn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.618.256.371	184.138.930.623

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Tử, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		34.800.675.255	38.900.252.604
I. Nợ ngắn hạn	310		25.202.175.255	22.887.752.604
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.115.744.648	6.849.808.411
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	55.104.500	55.104.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.064.814.185	1.305.728.348
4. Phải trả người lao động	314		18.525.305	36.402.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	9.769.550	42.432.742
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	524.510.918	484.944.900
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	13.413.706.149	14.113.331.303
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ hưu ốm già	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.598.500.000	16.012.500.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	9.598.500.000	16.012.500.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHÁM KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: Hố số 19, xã Châu Lộc, huyện Hồi Lộc, tỉnh Thanh Hóa

HÓA ĐOAN TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuật minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.817.581.116	145.238.678.019
1. Vốn chủ sở hữu	410	V.CT	160.817.581.116	145.238.678.019
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	(38.000.000.000)	(38.000.000.000)	138.000.000.000
1.2. <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a	(38.000.000.000)	(38.000.000.000)	138.000.000.000
1.3. <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-	-
5. Cổ phiếu quý	415	-	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-	-
10. Quỹ khẩn ứng trước vay vốn	420	-	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.817.581.116	7.238.678.019	7.238.678.019
11.1. <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	6.967.278.019	1.042.183.077	1.042.183.077
11.2. <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	15.850.303.097	6.196.494.942	6.196.494.942
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-	-
E. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.618.356.371	184.138.930.623

Ngày: ngày 18 tháng 3 năm 2020

Người lập biên

Phạm Thị Tim

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Thái

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Công

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: Phân Chia 16, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

(Đơn vị tính: VND)

CHI TIẾU	Mã số	Thuật minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	188.227.080.782	92.294.718.767
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		188.227.080.782	92.294.718.767
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	132.566.765.968	75.216.817.892
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.660.314.814	17.077.900.875
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	4.540.784.821	252.468.960
7. Chi phí tài chính	22	VL4	2.353.091.375	3.607.156.752
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.771.461.862	3.229.530.974
8. Chi phí bán hàng	25	VL5	14.314.011.755	3.224.808.301
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	3.277.080.975	2.523.573.203
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.256.945.530	7.974.831.579
11. Thu nhập Mine	31	VL7	17.639.486	920
12. Chi phí khác	32	VL8	281.423.587	183.371.057
13. Lợi nhuận khác	40		(263.784.101)	(183.370.157)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.993.161.429	2.791.461.442
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL9	4.142.858.332	1.594.966.580
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.850.305.097	6.196.494.942
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	1.091	662

Lập ngày 18 tháng 3 năm 2020

Người lập biên

Phạm Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Thái



Nguyễn Đức Công

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ QUỸ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Tù, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	184.536.190.881	94.388.161.244	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(169.332.413.593)	(85.047.011.837)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.996.212.637)	(3.599.639.427)	
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.754.125.054)	(3.279.130.795)	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.379.704.047)	(2.209.785.126)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	18.989.845.905	19.778.896.980	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(31.436.953.791)	(29.514.243.431)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(6.373.372.336)</i>	<i>(9.482.752.392)</i>	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.448.369.500)	(1.415.500.168)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(775.800.000)	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(29.700.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	30.968.000.000	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.090.666	3.805.612	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>28.748.921.166</i>	<i>(31.111.694.556)</i>	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHẨU KHOÁNG & QUẢN LÝ QUỸ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tò, Xã Châu Lý, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CỘI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		52.000.000.000	
2. Tiền trả lại vốn góp của các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ vay	33	55.602.741.829	30.309.331.303	
4. Tiền nợ xấu gốc vay	34	(39.826.366.983)	(29.382.771.677)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.900.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.223.625.154)	47.026.559.626	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	18.151.923.676	6.432.112.678	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.I	8.193.451.111	1.761.338.433
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.I	26.345.374.787	8.193.451.111

Người lập biểu

Phạm Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Thái

Lập ngày 18 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Công

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TỰ KHAI KHÔNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: Thôn Châu Tử, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất công nghiệp
3. Ngành nghề kinh doanh :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất sản phẩm chìo lùn;
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Sản xuất sắt, thép, gang;
 - Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
 - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh ;
 - Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Phá dỡ;
 - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất động cơ (trừ động cơ đồng hồ); xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tăm lá trong động cơ, dây cáp kim loại, dài xếp nếp và các chi tiết khác;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Cho thuê thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao, trong các cửa hàng chuyên doanh.
 - Bán buôn hàng nông sản /.
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng
5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu BCTC năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2018.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHÔNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tú, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán đồng tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)..

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi cũ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi cũ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Dối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHÁM KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tú, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được bạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu....

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng tròn tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dùng cụ quản lý	05

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là :

Quyền sử dụng đất

Là giá trị Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 182 tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C11 326902 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/05/2017 với diện tích 118510 m². Thời hạn sử dụng đến ngày 28/11/2046. Đơn vị ghi tăng giá trị tài sản cố định vô hình vào ngày 31/12/2016 với nguyên giá 19.610.671.000 VND. Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 30 năm theo thời gian giao đất .

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tú, Xã Chùa Lộc, Huyện Hật Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đính danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa dù hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TỰ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tứ, Xã Chùa Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ thợé tể đã đầu tư của các cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phân lô rõ rệt và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng/.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn/.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản hồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phần ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tồn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TỰ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tứ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khẩu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê mảnh bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Công cụ tài chính

L. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và đồng thời ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHUỐNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.I

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÀNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.687.792.647	839.494.499
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.657.582.140	7.353.956.612
Cộng	26.345.374.787	8.193.451.111

2. Đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu	858.843.172	-	3.000.064.867	371.794.867
Công ty Cổ phần Feldspar Đông Á	858.843.172	-	3.000.064.867	371.794.867
Cộng	858.843.172	-	3.000.064.867	371.794.867

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	371.794.867
Số trích lập dự phòng trong năm	
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(371.794.867)
Số cuối năm	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Dầu tư vào Công ty tên doanh, liên kết	-	-	-	29.700.000.000	-	29.700.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum (*)	-	-	-	29.700.000.000	-	29.700.000.000
Cộng	-	-	-	29.700.000.000	-	29.700.000.000

(*)Theo nghị quyết 197/2019/NQ-HĐ-GAB của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần GAB (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC) ký ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc thoái vốn đầu tư quyết định thoái tảng số vốn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum. Tình đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Tú, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Quyết định Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	23,231,149.950	16,189,277.112
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	23,231,149.950	16,189,277.112
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	12,203,863,540	3,145,969,600
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Mai Vàng	6,357,131,000	-
Công ty TNHH Một thành viên xuất nhập khẩu Vietwoodee	4,150,380,540	1,302,692,100
Các khách hàng khác	1,696,352,000	1,843,277,500
Cộng	35,435,013,490	19,335,246,712

4. Phải thu về cho vay

Là khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vạn Trường vay theo Hợp đồng vay vốn số 0112/2019/HDVV/GAB-VANTUONG ký ngày 01 tháng 12 năm 2019 số tiền cho vay: 775.800.000 VND thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay là 8%/năm. Lãi và gốc được trả vào cuối kỳ hạn vay.

5. Các khoản phải thu khác

a) Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	10,688,998,000	-
Bà Trần Thị Thúy-Tiền ủy thác đầu tư	-	-	10,410,000,000	-
Thuế TNCN của thành viên ban lãnh đạo	-	-	108,000,000	-
Tạm ứng ban lãnh đạo	-	-	170,998,000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	27,841,102	-	1,441,264,000	-
Tạm ứng	-	-	1,441,264,000	-
Các khoản phải thu khác	27,841,102	-	-	-
Cộng	27,841,102	-	12,130,262,000	-

b) Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	30,000,000,000	-	31,989,798	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản An Lộc(*)	30,000,000,000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	59,334,898	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	59,334,898	-	31,989,798	-
Cộng	30,059,334,898	-	31,989,798	-

(*) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh Bất động sản An Lộc theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0107 ngày 01 tháng 07 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần GAB (Bên A) (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Khai khoáng & Quản lý tài sản FLC) và Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh bất động sản An Lộc (bên B) theo đó bên B là đồng chủ đầu tư của Dự án Khu du lịch sinh thái Vạn Trường 09 tại khu đô thị mới Vạn Trường, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận đầu tư số 87/QĐ-BQL của Trưởng ban quản lý khu kinh tế Dung Quất cấp. Do có nhu cầu muốn tìm doanh nghiệp có đủ năng lực tài chính tham gia đầu tư để hợp tác chia lợi ích bởi vậy hai bên đồng ý cùng nhau hợp tác; bên B đại diện thực hiện các thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng và khai thác kinh doanh khu du lịch sinh thái Vạn Trường 09 với tổng diện tích: 12,9ha, xây dựng 01 khách sạn cao 15 tầng , 97 căn biệt thự. Vào thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất là tổng mức đầu tư dự án là 1.199.856.000.000 VND; Bên A đóng 30%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHÔNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tỷ chiếm 2,5% tổng dự án đầu tư. Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh được chia làm 02 giai đoạn:

Giai đoạn I: Trả cổ định 7%/năm kể từ thời điểm bên A thực hiện cho dù góp vốn đến thời điểm dự án nghiệm thu tổng thể công trình dự kiến quý IV/2022,

Giai đoạn II: Thực hiện phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ đóng góp thực tế.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp dù số vốn góp trên.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Đư phòng	Giá gốc	Đư phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.938.533.561	-	10.437.865.473	-
Công cụ, dụng cụ	186.617.789	-	193.865.103	-
Thành phẩm	2.367.119.882	-	2.144.271.688	-
Hàng hóa	77.212.328	-	520.789.332	-
Cộng	13.569.483.560	-	13.296.791.596	-

7. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	256.844.828	181.297.902
Chi phí trả trước tiền bảo hiểm	12.358.482	13.441.260
Chi phí sửa chữa	-	122.821.083
Cộng	269.203.310	317.560.245

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quyền khai thác đất, phí tư vấn	2.160.156.435	2.340.702.415
Công cụ dụng cụ, sửa chữa tài sản	240.349.564	435.693.949
Chi phí trả trước dài hạn khác	114.469.446	171.910.071
Cộng	2.514.975.445	2.948.306.435

8. Tài sản cố định bền hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền điện	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.697.454.505	59.653.630.650	300.000.000	70.449.370	81.721.534.525
Mua trong năm	583.888.818	-	109.090.909	-	692.979.727
Số cuối năm	22.281.343.323	59.653.630.650	409.090.909	70.449.370	82.414.514.252

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.790.231.553	9.346.336.777	50.000.004	18.872.490	11.205.440.824
Khảo hao trong năm	1.236.459.599	5.030.873.136	97.525.259	14.089.872	6.378.947.866
Số cuối năm	3.026.691.152	14.377.209.913	147.525.263	32.962.362	17.584.388.690

Giá trị còn lại

Số đầu năm	19.907.222.952	50.307.293.873	249.999.996	51.576.880	70.516.093.701
Số cuối năm	19.254.652.171	45.276.420.737	261.565.646	37.487.008	64.830.125.562

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TỰ KHAI KHỐI HÓA & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Tú, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản quyết định Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định có Nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 65.917.478.868 VND và 52.853.955.866 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Hà Nam.

9. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 182 tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C11326902 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/05/2017 với diện tích 118.510 m². Thời hạn sử dụng đến ngày 28/11/2046. Tình hình biến động của tài sản cố định trong năm như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	19.610.671.000	1.311.019.800	18.299.651.200
Khấu hao trong năm	-	655.509.900	655.509.900
Số cuối năm	19.610.671.000	1.966.529.700	17.644.141.300

Tài sản cố định vô hình đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Hà Nam.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Kết chuyển vào Chi phí trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	49.252.500	(49.252.500)	-
Xây dựng tường rào bao quanh	49.252.500	(49.252.500)	-
Cộng	49.252.500	(49.252.500)	-

11. Phai trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phai trả các bên liên quan</i>	120.000.000	80.163.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng VI.XD Kon Tum(*)	-	80.163.000
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	120.000.000	-
<i>Phai trả các nhà cung cấp khác</i>	6.995.744.648	6.769.645.411
Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại XNK Nhật Minh	1.819.183.000	1.819.183.000
Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa	1.887.692.595	587.592.459
Công ty TNHH Gạch Văn Cảnh	1.555.271.449	219.958.000
Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ	1.146.779.440	-
Các đối tượng khác	586.818.164	4.142.911.952
Cộng	7.115.744.648	6.849.808.411

(*) Từ ngày 19 tháng 7 năm 2019, Công ty không còn là bên liên quan

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
AON BGN Liability Limited Company	55.104.500	55.104.500
Cộng	55.104.500	55.104.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Từ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phái thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phái thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.294.966.500	-	4.142.858.332	1.379.704.047	4.058.120.785	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.761.848	-	78.618.271	82.686.719	6.693.400	-
Thuế nhà đất	-	-	19.554.150	19.554.150	-	-
Tiền thuê đất (*)	-	1.742.869.000	383.870.800	93.530.800	-	1.452.529.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	215.106.182	215.106.182	-	-
Cộng	1.305.728.348	1.742.869.000	4.843.007.735	1.793.581.898	4.064.814.185	1.452.529.000

(*) Là khoản tiền Quyền sử dụng đất được giảm sê được Nhà nước bù trừ vào tiền thuế đất phải nộp trong 08 năm kể từ 01/01/2017.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau :

Đối với hoạt động bán gach : 10%

Đối với hoạt động bán quế : không phải kê khai tính nộp thuế GTGT

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả ngắn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chí phí lãi vay phải trả	9.769.550	42.432.742
Cộng	9.769.550	42.432.742

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	73.608.690	35.778.700
Chí phí lãi vay phải trả	449.166.200	449.166.200
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.736.028	-
Cộng	524.510.918	484.944.900

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: Thị trấn Chùa Tứ, Xã Chùa Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	700.000.000	700.000.000
Vay Bà Trần Thị Thúy	-	-	700.000.000	700.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	13.413.706.149	13.413.706.149	13.413.331.303	13.413.331.303
Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh MB - Hà Nam(I)	6.999.706.149	6.999.706.149	6.999.331.303	6.999.331.303
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	6.414.000.000	6.414.000.000	6.414.000.000	6.414.000.000
Cộng	13.413.706.149	13.413.706.149	14.113.331.303	14.113.331.303

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam (MB) theo Hợp đồng cho vay số 14589.19.770.3089259.TD ngày 07 tháng 5 năm 2019 với hạn mức tín dụng 1 là 3.500.000.000 VND, hạn mức tín dụng 2 là 7.000.000.000, hạn mức tái dụng trên đây đã bao gồm toàn bộ dư nợ gốc của khách hàng theo Hợp đồng cho vay số 10768.18.770.3089259.TD ký ngày 12/04/2018. Hạn mức tín dụng 2 phát sinh khi nhu cầu của khách hàng vượt hạn mức 1, có đề nghị gửi cho MB và được MB chấp thuận. Mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh gạch Tuynel của khách hàng năm 2019-2020, thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến 02/05/2020, thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa 6 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định tại các văn bản nhận nợ, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp thuyết minh tại V.16b, các tài sản đảm bảo chung cho toàn bộ các nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng vay dài hạn và ngắn hạn của công ty, không tách bạch theo từng hợp đồng tín dụng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do bà trừ công nợ	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.999.331.303	15.098.991.829	-	(15.098.616.983)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	700.000.000	20.503.750.000	-	(18.313.750.000)	(2.890.000.000)
Vay dài hạn đến hạn trả	6.414.000.000	-	6.414.000.000	(6.414.000.000)	-
Cộng	14.113.331.303	35.602.741.829	6.414.000.000	(39.826.366.983)	(2.890.000.000)
					13.413.706.149

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Hà Nam. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	16.012.500.000
Số tiền vay đã trả	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(6.414.000.000)
Số cuối năm	9.598.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHÔNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chân Tử, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Hà Nam theo các Hợp đồng sau:

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 2706.17.770.3089259.TD ngày 08/02/2017 số tiền vay 15.990.000.000 VND. Mục đích vay là bù đắp và tài trợ vốn để thực hiện đầu tư máy móc thiết bị dây chuyền 1,2 (giai đoạn 1)- Dự án Nhà máy gạch Tuynel FLC- Đô Lèn Hậu Lộc, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất thà nỗi theo quy định tại văn bản nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Nợ vay trả theo từng kì cách nhau 3 tháng. Thời hạn rút vốn vay tối đa đến ngày 30/6/2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp :

- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 2707.17.770.3089259.BĐ với tài sản thế chấp là Hệ thống máy tạo hình và Hệ thống vận chuyển gạch tuynel trong dây chuyền sản xuất gạch tuynel 40 triệu viên/1 năm do Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Minh cung cấp và lắp đặt năm 2016 tại Việt Nam, tổng giá trị tài sản thế chấp là 16.259.906.250 VND.

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 109857.17.770.3089259.BĐ với tài sản thế chấp là nhà máy sản xuất gạch Tuynel FLC- Đô Lèn, Hậu Lộc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 482 (ở bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã Châu Lộc, do vẽ năm 2001, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tổng giá trị tài sản thế chấp là 34.848.110.500 VND.

- Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 109864.17.770.3089259.BĐ với tài sản thế chấp là 1 cặp lò gồm 1 lò nung và 1 lò sấy và trạm biến áp, tổng giá trị tài sản thế chấp là 9.112.500.000VND.

(2) Hợp đồng cho vay số 131074.17.770.3089259.TD ngày 09/08/2017 số tiền vay 15.700.000.000 VND. Mục đích vay là bù đắp và tài trợ vốn để thực hiện đầu tư giai đoạn 1- dự án Nhà máy gạch Tuynel FLC- Đô Lèn Hậu Lộc, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất thà nỗi theo quy định tại văn bản nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Nợ vay trả theo từng kì cách nhau 3 tháng quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Thời hạn rút vốn vay tối đa đến ngày 30/9/2017. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 16201.17.770.3089259.BĐ với tài sản thế chấp là 1 cặp lò gồm 1 lò nung và 1 lò sấy số 2, tổng giá trị tài sản thế chấp là 7.931.250.000VND.

I7. Vốn chủ sở hữu

a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	7.390.383.077	67.390.383.077
Tăng vốn bằng tiền mặt	52.000.000.000	-	52.000.000.000
Tăng vốn bằng bù trừ tiền vay	26.000.000.000	-	26.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	6.196.494.942	6.196.494.942
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(348.200.000)	(348.200.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	138.000.000.000	7.238.678.019	145.238.678.019
Số dư đầu năm nay	138.000.000.000	7.238.678.019	145.238.678.019
Lợi nhuận trong năm	-	15.850.303.097	15.850.303.097
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(271.400.000)	(271.400.000)
Số dư cuối năm nay	138.000.000.000	22.817.581.116	160.817.581.116
Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế theo điều lệ Công ty.			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tú, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Thúy(*)	25.500.000.000	50.700.000.000
Ông Nguyễn Công Nam(*)	6.900.000.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	12.400.000.000	12.400.000.000
Ông Trần Thế Anh	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Lâm Đức Toàn(*)	6.900.000.000	100.000.000
Cổ đông khác	76.300.000.000	41.800.000.000
Cộng	<u>138.000.000.000</u>	<u>138.000.000.000</u>

(*) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này vốn góp các cổ đông thay đổi đáng kể (Xem thuyết minh VIII.7)

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	130.325.443.404	53.622.088.554
Doanh thu bán thành phẩm	57.125.804.378	38.672.630.213
Doanh thu khác	775.833.000	-
Cộng	<u>188.227.080.782</u>	<u>92.294.718.767</u>

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	49.183.994.681	25.287.863.003

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	125.420.460.794	50.779.707.124
Giá vốn của thành phẩm đã bán	27.146.305.174	24.437.110.768
Cộng	<u>152.566.765.968</u>	<u>75.216.817.892</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Tú, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.090.666	3.805.612
Lãi chứng khoán kinh doanh	377.694.155	170.463.348
Lãi ủy thác đầu tư chứng khoán	-	78.200.000
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	<u>4.158.000.000</u>	-
Cộng	<u>4.540.784.821</u>	<u>252.468.960</u>

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.721.461.862	3.229.530.974
Chi phí bán chứng khoán	3.424.380	5.830.911
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	<u>(371.794.867)</u>	<u>371.794.867</u>
Cộng	<u>2.353.091.375</u>	<u>3.607.156.752</u>

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.177.784.030	362.488.758
Chi phí vận chuyển	12.951.275.044	2.862.319.543
Các chi phí khác	184.952.681	-
Cộng	<u>14.314.011.755</u>	<u>3.224.808.301</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	687.071.604	408.040.342
Chi phí đồ dùng văn phòng	212.675.247	165.490.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.008.093.132	952.604.951
Thuế, phí và lệ phí	443.636.950	443.867.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	605.956.729	419.261.146
Các chi phí khác	319.617.313	134.308.000
Cộng	<u>3.277.050.975</u>	<u>2.523.573.203</u>

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	17.639.486	920
Cộng	<u>17.639.486</u>	<u>920</u>

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt chậm nộp, thuế truy thu	72.434.292	86.708.869
Chi phí khác không hợp lệ	208.989.295	96.662.188
Cộng	<u>281.423.587</u>	<u>183.371.057</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHUỐNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tứ, Xã Chùa Lộc, Huyện Lập Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.993.161.429	7.791.461.442
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	297.442.496	183.371.057
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>	72.434.292	86.708.869
<i>Chi phí khác không hợp lệ</i>	225.008.204	96.662.188
Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	20.290.603.925	7.974.832.499
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập tính thuế	20.290.603.925	7.974.832.499
Thu suất thuế thu nhập doanh nghiệp		20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	4.058.120.785	1.594.966.500
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	84.737.547	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.142.858.332	1.594.966.500

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.850.303.097	6.196.494.942
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>-Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)</i>	(792.515.155)	(271.400.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.057.787.942	5.925.094.942
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.800.000	8.949.760
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.091	662

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính 5% lợi nhuận sau thuế theo điều lệ Công ty.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.800.000	6.000.000
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu trong năm	-	2.949.760
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.800.000	8.949.760

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Tứ, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.604.427.448	10.806.616.022
Chi phí nhân công	5.002.921.587	3.121.629.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.034.457.766	6.793.786.418
Thuế, phí và lệ phí	443.636.950	443.867.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.191.896.753	7.198.411.484
Chi phí khác	682.875.594	2.019.387.264
Cộng	44.960.216.098	30.383.728.815

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

I. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay
Bù trừ công nợ phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần – phải trả tiền vay	2.890.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

I. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mặt thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng	10.700.000	168.960.000
Hoàn ứng	181.698.000	-
Vay thành viên HDQT	17.613.750.000	11.860.000.000
Trả tiền vay thành viên HDQT	18.313.750.000	11.018.771.677
Bù trừ tiền vay và phải thu	-	6.155.500
Góp vốn bằng tiền vay	-	20.100.000.000
Ủy thác đầu tư chứng khoán cho bên liên quan	-	12.992.000.000
Nhận lại tiền ủy thác đầu tư chứng khoán	-	3.329.600.000
Phải thu lãi ủy thác đầu tư	-	78.200.000
Nhận lãi hoạt động ủy thác đầu tư	-	78.200.000
Phải thu thuế TNCN thành viên HDQT	25.200.000	276.000.000
Thu tiền thuế TNCN thành viên HDQT	133.200.000	-
Thu tiền ủy thác đầu tư	10.410.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Tú, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	313.942.804	170.525.300
Thù bao hộ đồng quản trị	-	30.000.000
Cổ tức được chia	-	3.900.000.000

B. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần xây dựng FLC Faros

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng

Vật liệu xây dựng Kon Tum

Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh

Bất động sản An Lộc

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần xây dựng FLC Faros		
Phải thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ	54.102.394.150	27.816.649.300
Thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ	47.060.521.312	21.051.232.188
Phải trả tiền mua hàng	120.000.000	-

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kon Tum

Phải trả tiền mua hàng

Thanh toán tiền hàng

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu

Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh Bất động sản An Lộc

Góp vốn hợp tác kinh doanh

Thu tiền lãi hợp tác kinh doanh

Mối quan hệ

Công ty con của cổ đông góp vốn

Công ty liên doanh, liên kết, Kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2019 Công ty không còn là công ty liên doanh, liên kết

Công ty hợp tác kinh doanh

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống. Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất gạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHÔÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tè, Xã Chùa Lộc, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lĩnh vực kinh doanh gach
- Lĩnh vực kinh doanh quố,
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC
 Địa chỉ: Thành Phố Thủ Đức, Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất gạch	Lĩnh vực thương mại gạch	Lĩnh vực thương mại quê	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.125.804.378	44.134.008.404	86.191.435.000	775.833.000	188.227.080.782
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.125.804.378	44.134.008.404	86.191.435.000	775.833.000	188.227.080.782
Chi phí bộ phận	(27.146.305.174)	(41.400.545.794)	(84.019.915.000)	-	(152.566.765.968)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.979.499.204	2.733.462.610	2.171.520.000	775.833.000	35.660.314.814
Các chi phí không phản bộ theo bộ phận					(17.591.062.730)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					18.069.252.084
Doanh thu hoạt động tài chính					4.540.784.821
Chi phí tài chính					(2.353.091.375)
Thu nhập khác					17.639.486
Chi phí khác					(281.423.587)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(4.142.858.332)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					15.850.303.097
Tổng chi phí đầu tư sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					1.141.352.657
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trước dài hạn					7.916.161.686
					7.916.161.686
					7.916.161.686

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tù, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất gạch	Lĩnh vực thương mại gạch	Lĩnh vực thương mại quặng	Lĩnh vực khác	Công
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	112.115.731.983	430.394.909	-	30.835.134.898	143.381.261.790
Tài sản phân bổ cho bộ phận	14.979.168.678	8.573.237.842	-	-	23.552.406.520
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					28.681.588.061
Tổng tài sản					195.618.256.371
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	23.085.835.954	-	-	-	23.085.835.954
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	6.680.947.733	1.957.699.823	2.541.911.278	-	11.180.558.833
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					534.280.468
Tổng nợ phải trả					34.800.675.255

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó chủ yếu là doanh thu bán gạch, doanh thu bán quặng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giám sát rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để dồn dốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHÔNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Chùa Tè, Xã Chùa Lộc, Huyện Lai Lịc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	13.413.706.149	9.598.500.000	-	23.012.206.149
Phải trả người bán	7.115.744.648	-	-	7.115.744.648
Các khoản phải trả khác	552.805.773	-	-	552.805.773
Cộng	21.082.256.570	9.598.500.000	-	30.680.756.570

Số đầu năm				
Vay và nợ	14.113.331.303	16.012.500.000	-	30.125.831.303
Phải trả người bán	6.849.808.411	-	-	6.849.808.411
Các khoản phải trả khác	563.780.042	-	-	563.780.042
Cộng	21.526.919.756	16.012.500.000	-	37.539.419.756

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.345.374.787	8.193.451.111	26.345.374.787	8.193.451.111
Chứng khoán kinh doanh	858.843.172	2.628.270.000	858.843.172	2.628.270.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	29.700.000.000	-	29.700.000.000
Phải thu khách hàng	35.435.013.490	19.335.246.712	35.435.013.490	19.335.246.712
Các khoản cho vay	775.800.000	-	775.800.000	-
Các khoản phải thu khác	30.087.176.000	12.162.251.798	30.087.176.000	12.162.251.798
Cộng	93.502.207.449	72.019.219.621	93.502.207.449	72.019.219.621
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	23.012.206.149	30.125.831.303	23.012.206.149	30.125.831.303
Phải trả người bán	7.115.744.648	6.849.808.411	7.115.744.648	6.849.808.411
Các khoản phải trả khác	552.805.773	563.780.042	552.805.773	563.780.042
Cộng	30.680.756.570	37.539.419.756	30.680.756.570	37.539.419.756

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI KHOÁNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: thôn Châu Tú, Xã Châu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

- * Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trắc bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCD-GAB ký ngày 03 tháng 2 năm 2020 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, tổng số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến: 55.200.000 cổ phiếu, tổng giá trị chào bán dự kiến: 552.000.000.000 VND nâng vốn điều lệ của Công ty từ 138.000.000.000 VND lên 690.000.000.000 VND. Thời gian dự kiến thực hiện Quý I năm 2020. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến là 552.000.000.000 VND sẽ được sử dụng để: Đầu tư máy móc, trang thiết bị nhà máy; bổ sung vốn lưu động; đầu tư kinh doanh bất động sản của Công ty.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2019, Vốn góp của các cổ đông lớn trong Công ty có sự thay đổi lớn so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cụ thể: Bà Trần Thị Thúy số vốn góp: 12.750.000.000 VND chiếm 9,24% vốn điều lệ; Ông Nguyễn Công Nam số vốn góp: 3.450.000.000 VND chiếm 2,5% vốn điều lệ không còn là cổ đông lớn; Ông Lâm Đức Toàn số vốn góp: 3.450.000.000 VND chiếm 2,5% vốn điều lệ không còn là cổ đông lớn; Ông Trịnh Văn Quyết số vốn góp: 11.000.000.000 VND chiếm 7,97% vốn điều lệ trở thành cổ đông lớn của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHÁM KHÔNG & QUẢN LÝ TÀI SẢN FLC

Địa chỉ: Thôn Chùa Tự, Xã Chàm Lực, Huyện Hồi Lực, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

§. Thông tin xã sách

Số liệu so sánh đầu năm là số liệu trên sổ hiện trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Theo điều lệ của Công ty, Công ty đã tính quý khai thường phản lại từ lợi nhuận sau thuế 271,400,000 VNĐ. Vì vậy, lời cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại.

(Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" được điều chỉnh lại như sau: (xem thuyết minh VI.10))

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
<i>Báo cáo kết quả kinh doanh</i>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	658
<i>Kết luận</i>		
Người lập biên	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Thu	Nguyễn Quang Thái	Nguyễn Đức Công

